ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỐC OAI

Phụ lục 03

DANH MỤC TÀI SẢN THI HÀNH ÁN ĐỀ NGHỊ TỔ CHỨC BÁN ĐẤU GIÁ NĂM 2023

Lô tài sản: Gỗ xưa

(Kèm theo Quyết định số 331/QĐ-UBND ngày 07/02/2024 của UBND huyện Quốc Oai)

TT	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Quy cách	Thông số kỹ thuật	Tình trạng tài sản	Chu vi bình quân	Đường kính trung bình	Tổng số lượng (Kg)	Đơn giá	Thành tiền
I	**Gỗ xưa**								**64**	**700.000**	**44.800.000**
1	Gỗ xưa	Khúc	1	dài 149 cm, chu vi nhỏ nhất là 10 cm, lớn nhất là 30 cm, trên có số 12289-1			20.00	6.4			
2	Gỗ xưa	Khúc	1	dài 149 cm, chu vi trung bình là 11cm, trên có số 12289-2			11.00	3.5			
3	Gỗ xưa	Khúc	1	dài 83 cm, có nhiều choạc nhỏ, chu vi nhỏ nhất là 10 cm, lớn nhất là 20 cm, có ghi số 12289-15			15.00	4.8			
4	Gỗ xưa	Khúc	1	dài 110 cm, chu vi nhỏ nhất là 16 cm,lớn nhất là 30 cm, có ghi số 12289-3			23.00	7.3			
5	Gỗ xưa	Khúc	1	dài 42 cm, chu vi nhỏ nhất là 18 cm, lớn nhất là 24 cm, có ghi số 12289-7			21.00	6.7			
6	Gỗ xưa	Khúc	1	dài 32 cm, chiều cao là 8 cm, chiều rộng là 6 cm, có ghi số 12289-4				7			
7	Gỗ xưa	Khúc	1	dài 45 cm, chu vi trung bình là 10 cm, có ghi số 12289-13			10.00	3.2			
8	Gỗ xưa	Khúc	1	dài 40cm, chu vi nhỏ nhất là 17 cm, lớn nhất là 20 cm, có ghi số 12289-5			18.50	5.9			
9	Gỗ xưa	Khúc	1	dài 41 cm, chu vi nhỏ nhất là 11cm, lớn nhất là 21 cm, có ghi số 12289-12			15.50	4.9			
10	Gỗ xưa	Khúc	1	dài 30 cm, chu vi nhỏ nhất là 05cm, lớn nhất là 10 cm, có ghi số 12289-14			7.50	2.4			
11	Gỗ xưa	Khúc	1	dài 22 cm, chu vi nhỏ nhất là 10cm, lớn nhất là 23 cm, có ghi số 12289-9			16.50	5.3			
12	Gỗ xưa	Khúc	1	dài 20 cm, chu vi trung bình là 25 cm, có ghi số 12289-8			25.00	8			
13	Gỗ xưa	Khúc	1	dài 49 cm, chu vi trung bình là 08 cm, có ghi số 12289-11			8.00	2.5			
14	Gỗ xưa	Khúc	1	dài 17 cm, chu vi trung bình là 16 cm, có ghi số 12289-6			16.00	5.1			
15	Gỗ xưa	Khúc	1	dài 11 cm, chu vi trung bình là 19 cm, có ghi số 12289-10			19.00	6.1			
16	Gỗ xưa	Khúc	1	dài 10 cm, chu vi trung bình là 40 cm, có ghi số 12236-11			40.00	12.7			
17	Gỗ xưa	Khúc	1	dài 58 cm, chu vi nhỏ nhất là 26cm, lớn nhất là 32 cm, có ghi số 12236-3			29.00	9.2			

TT	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Quy cách	Thông số kỹ thuật	Tình trạng tài sản	Chu vi bình quân	Đường kính trung bình	Tổng số lượng (Kg)	Đơn giá	Thành tiền
18	Gỗ xưa	Khúc	1	dài 39 cm, chu vi nhỏ nhất là 17cm, lớn nhất là 31 cm, có ghi số 12236-13			24.00	7.6			
19	Gỗ xưa	Khúc	1	dài 83 cm, chu vi nhỏ nhất là 29cm, lớn nhất là 42 cm, có ghi số 12236-6			35.50	11.3			
20	Gỗ xưa	Khúc	1	dài 96 cm, chu vi trung bình 20 cm, có ghi số 12236-4			20.00	6.4			
21	Gỗ xưa	Khúc	1	dài 86 cm, chu vi nhỏ nhất là 15cm, lớn nhất là 23 cm, có ghi số 12236-5			19.00	6.1			
22	Gỗ xưa	Khúc	1	dài 97 cm, chu vi nhỏ nhất là 32cm, lớn nhất là 70 cm, có ghi số 12236-9, có 02 nhánh: nhánh 1 dài 30 cm, nhánh 2 dài 43 cm			51.00	16.2			
23	Gỗ xưa	Khúc	1	Dài khoảng 87cm, đường kính trên 14cm, có 03 rễ bị cắt có đường kính lần lượt là 12cm, 10cm, 10cm; có ký hiệu 12236-10				14			
Đường Kính trung bình								**7**			
Tổng cộng											**44.800.000**